

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2020

Về việc: Ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Anh Thái

Ông Hoàng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hứa Thị T, sinh ngày 30/11/1992, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Số 53, Thân Công Tài, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lăng Văn Đ, sinh ngày 25/5/1994, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ1, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/9/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hứa Thị T trình bày:

Năm 2010 qua mai mối nên chị Hứa Thị T và anh Lăng Văn Đ đã kết hôn và chung sống với nhau, đến ngày 23/8/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống cuộc sống vợ, chồng không thể hòa hợp, thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên

nhân do anh Lăng Văn Đ không quan tâm, chăm sóc gia đình, đi làm xa bỏ mặc mẹ con chị ở nhà và cũng không gửi tiền về để chị chi phí cho gia đình, chăm sóc con cái. Chị và anh Lăng Văn Đ đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, hiện tại chị Hứa Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Lăng Văn Đ. Về con chung: Có hai con chung là cháu Lăng Tuấn T1, sinh ngày 01/11/2010 và cháu Lăng Thu T2 sinh ngày 15/12/2016, khi ly hôn chị Hứa Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lăng Thu T2, còn anh Lăng Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lăng Tuấn T1 cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2020 bị đơn anh Lăng Văn Đ cho rằng anh vẫn còn tình cảm, vẫn yêu thương chị Hứa Thị T nên không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị Hứa Thị T vẫn quyết tâm xin ly hôn thì anh Lăng Văn Đ cũng nhất trí. Quá trình chung sống giữa anh và chị Hứa Thị T có 02 người con chung như chị Hứa Thị T trình là đúng và các con hiện nay đang ở với anh. Khi ly hôn anh Lăng Văn Đ nhất trí chị Hứa Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lăng Thu T2, còn anh Lăng Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lăng Tuấn T1 cho đến khi đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lăng Văn Đ cũng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020 cháu Lăng Tuấn T1 thể hiện nguyện vọng khi bố, mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với bố là Lăng Văn Đ và hiện nay cháu đang học tại trường Tiểu học – Trung học cơ sở xã Đồng Giáp, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hứa Thị T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hiện nay đang đi làm thuê cho anh An Văn T3 tại thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thu nhập hàng tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Anh Lăng Văn Đ mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị Hứa Thị T và anh Lăng Văn Đ đều nhất trí thuận tình ly hôn và nhất trí về quyền nuôi con sau ly hôn như nêu ở trên. Tuy nhiên, anh Lăng Văn Đ không ký biên bản với lý do, sợ sau khi ly hôn chị Hứa Thị T sẽ kết hôn với người khác, sợ chị Hứa Thị T không đón con về nuôi.

Tại phiên tòa anh Lăng Văn Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ hai lần, còn chị Hứa Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đối

với vụ án; xác định đúng tư cách đương sự và thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự, nhưng đã được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ, nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hứa Thị T ly hôn anh Lãng Văn Đ. Về con chung: Căn cứ các Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lãng Tuấn T1 cho anh Lãng Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lãng Thu T2 cho chị Hứa Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị T và anh Lãng Văn Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung của vợ, chồng không có nên không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cho đến trước khi mở phiên tòa anh Lãng Văn Đ có mặt để viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng khi mở phiên tòa anh Lãng Văn Đ vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, vì vậy việc xét xử vắng mặt anh Lãng Văn Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hứa Thị T và anh Lãng Văn Đ là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01, ngày 23/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

[3] Về tình cảm: Chị Hứa Thị T và anh Lãng Văn Đ kết hôn qua mai mối của gia đình, có được tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010. Đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân một phần do vợ, chồng sống xa nhau, không có thời gian gần gũi để quan tâm, chăm sóc cho nhau vì anh Lãng Văn Đ đi làm ăn xa. Mặt khác từ khi đi làm anh Lãng Văn Đ không còn quan tâm vợ, con không chăm lo đời sống gia đình, để một mình chị Hứa Thị T ở nhà vừa lao động kiếm sống vừa tự mình chăm sóc hai con còn nhỏ nên tình cảm vợ, chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn càng trầm trọng kéo dài nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nguyên vọng ban đầu của anh Lãng Văn Đ muốn được vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ, chồng đã rạn nứt. Tại phiên hòa giải anh Lãng Văn Đ cũng nhất trí ly hôn chị Hứa Thị T nhưng không đồng ý ký biên bản; Tòa án mở phiên tòa lần thứ hai anh cũng vắng mặt, điều đó cho thấy anh đã bỏ mặc, không còn

muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn tha thiết với cuộc hôn nhân đầy mâu thuẫn trong nhiều năm nay. Việc cho đoàn tụ sẽ không đảm bảo cuộc sống vợ, chồng giữa chị Hứa Thị T và anh Lăng Văn Đ có được hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hứa Thị T.

[4] Về con chung: Chị Hứa Thị T và anh Lăng Văn Đ có hai con chung là cháu Lăng Tuấn T1, sinh ngày 01/11/2010 và cháu Lăng Thu T2, sinh ngày 15/12/2016 hiện nay đang ở cùng gia đình anh Lăng Văn Đ, với sự hỗ trợ chăm sóc của bố, mẹ anh Lăng Văn Đ do anh Đường đi làm ăn xa. Tuy anh Đường vắng mặt tại phiên tòa, nhưng khi ly hôn việc giao cháu Lăng Tuấn T1 cho anh Lăng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp bởi lẽ đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và học tập của cháu; phù hợp với nguyện vọng của cháu khi bố, mẹ ly hôn; phù hợp với yêu cầu của anh Lăng Văn Đ tại bản tự khai và tại phiên hòa giải; đồng thời còn có sự hỗ trợ chăm sóc của bố, mẹ anh Lăng Văn Đ nên cuộc sống của cháu sẽ được đảm bảo. Đối với cháu Lăng Thu T2, hiện nay còn nhỏ tuổi, việc giao cháu cho mẹ chăm sóc, dạy bảo là hết sức cần thiết, chị Hứa Thị T cũng có việc làm có thu nhập ổn định sẽ đảm bảo được điều kiện sinh hoạt và học tập cho cháu trưởng thành. Nếu giao cho một trong hai bên để chăm sóc cả hai người con sẽ không đảm bảo được quyền lợi cho các cháu vì điều kiện việc làm của chị Hứa Thị T và anh Lăng Văn Đ không đảm bảo để tự mình nuôi dưỡng cả hai người con chung. Do vậy, việc giao cho mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một người con khi ly hôn là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con sẽ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hứa Thị T không yêu cầu anh Đường phải cấp dưỡng nuôi con, còn anh Lăng Văn Đ tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và phiên hòa giải anh Lăng Văn Đ cũng không yêu cầu chị Hứa Thị T phải cấp dưỡng nuôi con. Do chị Hứa Thị T và anh Lăng Văn Đ mỗi người nuôi một người con chung, điều kiện, hoàn cảnh kinh tế đều như nhau và không ai yêu cầu cấp dưỡng nên khi ly hôn sẽ không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hứa Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung; không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Tại bản tự khai và phiên hòa giải anh Lăng Văn Đ cũng xác nhận điều này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hứa Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[8] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị T. Xử cho chị Hứa Thị T ly hôn anh Lăng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lăng Tuấn T1, sinh ngày 01/11/2010 cho anh Lăng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Lăng Thu T2 sinh ngày 15/12/2016 cho chị Hứa Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị T và anh Lăng Văn Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Hứa Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Hứa Thị T đã nộp đủ 300.000 đồng tiền án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2012/03978, ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS V, T. Lạng Sơn;
- UBND xã Đ, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bá Hiệp